

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 57/2022/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Đặng Đức C**, sinh năm 1992

- Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1993

HKTT, hiện trú tại: Thôn 10, xã XQ, huyện VG, tỉnh HY

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của anh C và chị L):

- Cháu **Đặng Thùy C1**, sinh ngày: 25/11/2010

- Cháu **Đặng Đức H**, sinh ngày: 09/11/2012

Người đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu H: Anh **Đặng Đức C**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L sau một thời gian tự do tìm hiểu đã đi đến kết hôn trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/2/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách bất đồng, quan điểm sống trái ngược. Mặc dù đã nhiều lần tìm cách giải quyết, nói chuyện bàn bạc và hai bên gia đình động viên khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân khoảng 03 năm nay không qua lại hỏi han gì đến nhau. Nay anh C và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh C và chị L là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh C và chị L.

[2] Về con chung: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thùy C1 sinh ngày 25/11/2010 và cháu Đặng Đức H sinh ngày 09/11/2012, hai cháu ở với anh C từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Ly hôn, anh C và chị L thỏa thuận giao cháu C1 và cháu H cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L đều xác nhận không có gì liên quan và không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Đặng Thị L tự nguyện nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thùy C1 sinh ngày 25/11/2010 và cháu Đặng Đức H sinh ngày 09/11/2012, hai cháu ở với anh C từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Ly hôn, anh C và chị L thỏa thuận giao cháu C1 và cháu H cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở chị L thăm nom con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh Đặng Đức C và chị Đặng Thị L đều xác nhận không có gì liên quan và không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị L tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị Loan đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010709 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Bùi Vũ Thu Giang